**PHỤ LỤC SỐ 03:**

**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG BAN HÀNH CÒN HIỆU LỰC THI HÀNH TRONG KỲ HỆ THỐNG HÓA 2019 - 2023**

*(Kèm theo Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

| **TT** | **Tên loại văn bản** | **Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản** | **Tên gọi của văn bản** | **Thời điểm có hiệu lực** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | | | | | | |
|  | **NGHỊ QUYẾT: 10 văn bản** | |  |  |  |
|  | Nghị quyết | Số 86/2006/NQ-HĐND ngày 20/7/2006 | Về giải quyết tồn tại, tháo gỡ khó khăn và cơ chế, chính sách hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn tỉnh mua bò sữa, bò thịt Brahman hiện có để chăn nuôi | 30/07/2006 |  |
|  | Nghị quyết | số 11/2019/NQ-HĐND ngày 01/08/2019 | về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 15/08/2019 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Nghị quyết | số 06/2020/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 | Quy định chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2021 |  |
|  | Nghị quyết | số 09/2020/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 | Quy định mức hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 - 2025 | 01/01/2021 |  |
|  | Nghị quyết | Số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 | chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa; sản phẩm OCOP và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 | 01/08/2021 |  |
|  | Nghị quyết | số 06/2022/NQ-HĐND ngày 01/07/2022 | Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 - 2025 | 11/07/2022 |  |
|  | Nghị quyết | số 16/2022/NQ-HĐND ngày 03/07/2022 | Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bình tuyển, công nhận cây mẹ (cây trội), cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 15/07/2022 | Liên quan đến lĩnh vực tài chính |
|  | Nghị quyết | số 30/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 | Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 - 2025 | 01/01/2023 |  |
|  | Nghị quyết | Số 10/2023/NQ-HĐND ngày 07/07/2023 | Quy định về mức hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, dự án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 - 2025 | 20/07/2023 |  |
|  | Nghị quyết | Số 16/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 | Quy định chính sách hỗ trợ thực hiện bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2023 - 2030 | 18/12/2023 |  |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 21 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 96/2003/QĐ-UB ngày 29/7/2003 | Về việc ban hành Quy chế quản lý trâu đực giống, bò đực giống thuộc Dự án đa dạng hoá thu nhập nông thôn | 14/08/2003 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | Số 37/2005/QĐ-UBND ngày 21/4/2005 | về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế của Trung tâm Khuyến nông thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 01/05/2005 | Hết hiệu lực một phần - Liên quan đến lĩnh vực Nội vụ |
|  | Quyết định | Số 38/2005/QĐ-UBND ngày 21/4/2005 | Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và biên chế của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 01/05/2005 | Hết hiệu lực một phần - Liên quan đến lĩnh vực Nội vụ |
|  | Quyết định | Số 40/2005/QĐ-UBND ngày 21/4/2005 | Về việc thành lập Chi cục Thủy lợi thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 01/05/2005 | Hết hiệu lực một phần - Liên quan đến lĩnh vực Nội vụ |
|  | Quyết định | Số 54/2006/QĐ-UBND ngày 06/9/2006 | Về việc thành lập Trạm Khuyến nông thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã | 16/09/2006 | Hết hiệu lực một phần - Liên quan đến lĩnh vực Nội vụ |
|  | Quyết định | Số 25/2011/QĐ-UBND ngày 21/11/2011 | Về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý trâu, bò đực giống thuộc Dự án Đa dạng hoá thu nhập nông thôn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 96/2003/QĐ-UB ngày 29 tháng 7 năm 2003 của Uỷ ban nhân nhân tỉnh Tuyên Quang | 01/12/2011 |  |
|  | Quyết định | Số 11/2012/QĐ-UBND ngày 12/6/2012 | Về việc ban hành Quy định về việc phân chia tiền bồi thường tài sản là vườn chè của nhà nước khi nhà nước thu hồi đất vườn chè đã giao khoán cho các hộ làm chè tại các công ty cổ phần chè trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. | 22/06/2012 | Liên quan đến lĩnh vực tài chính |
|  | Quyết định | Số 21/2013/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 | Về việc ban hành Quy định tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 10/11/2013 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | số 05/2018/QĐ-UBND ngày 30/8/2018 | Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện | 10/09/2018 | Hết hiệu lực một phần - Liên quan đến lĩnh vực nội vụ |
|  | Quyết định | số 04/2020/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 | phê duyệt danh mục, quy mô các ngành hàng, sản phẩm khuyến khích, ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; quy định phân cấp phê duyệt hỗ trợ liên kết trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 15/05/2020 |  |
|  | Quyết định | số 12/2020/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 | Quy định số lần tạm ứng, tỷ lệ tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 10/08/2020 |  |
|  | Quyết định | số 18/2020/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 | Định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 10/10/2020 |  |
|  | Quyết định | số 19/2020/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 | quy định mật độ chăn nuôi của tỉnh Tuyên Quang | 05/11/2020 |  |
|  | Quyết định | số 14/2021/QĐ-UBND ngày 18/9/2021 | Quy định về canh tác trên vùng canh tác hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/10/2021 |  |
|  | Quyết định | Số 33/2022/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 | Quy định về phân bổ kinh phí và nội dung, mức chi từ nguồn thu Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Tuyên Quang | 09/10/2022 |  |
|  | Quyết định | số 34/2022/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 | Ban hành Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn, công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 09/10/2022 |  |
|  | Quyết định | số 36/2022/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh | 20/10/2022 |  |
|  | Quyết định | Số 11/2023/QĐ-UBND ngày 29/06/2023 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang | 10/07/2023 |  |
|  | Quyết định | Số 14/2023/QĐ-UBND ngày 28/07/2023 | Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 10/08/2023 |  |
|  | Quyết định | Số 24/2023/QĐ-UBND ngày 05/11/2023 | Ban hành cấp dự báo cháy rừng và bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 16/11/2023 |  |
|  | Quyết định | số 47/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 | Phân cấp cơ quan quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; quy định cơ quan thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 15/01/2020 |  |
|  | **CHỈ THỊ: 02 văn bản** | |  |  |  |
|  | Chỉ thị | Số 12/CT-UB ngày 09/10/1998 | Về việc tăng cường công tác phòng cháy chữa cháy rừng | 09/10/1998 |  |
|  | Chỉ thị | Số 04/2008/CT-UBND ngày 23/7/2008 | Về việc tăng cường quản lý đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh | 02/08/2008 |  |
| **II** | **LĨNH VỰC TÀI CHÍNH** | | | | | | |
|  | **NGHỊ QUYẾT: 35 văn bản** | |  |  |  |
|  | Nghị quyết | Số 44/2002/NQ-HĐND ngày 29/3/2002 | Về ban hành quy định hỗ trợ lãi suất tiền vay, kinh phí đào tạo kỹ thuật chăn nuôi thực hiện dự án bò sữa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 29/03/2002 | Liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp |
|  | Nghị quyết | Số 45/2002/NQ-HĐND ngày 29/3/2002 | Ban hành Quy định hỗ trợ lãi suất tiền vay cho hộ nghèo thực hiện dự án chăn nuôi bò theo quy trình kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 29/03/2002 | Liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp |
|  | Nghị quyết | Số 04/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 | Về việc bãi bỏ Nghị quyết số 09/2015/NQ-HĐND ngày 18 tháng 01 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVII, kỳ họp thứ 9 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 13/07/2016 | Liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải |
|  | Nghị quyết | Số 08/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 | Về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2017 |  |
|  | Nghị quyết | Số 04/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 | Về quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước của thanh tra tỉnh, thanh tra các sở, thanh tra các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 10/08/2017 | Liên quan đến lĩnh vực thanh tra |
|  | Nghị quyết | Số 05/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 | Quy định nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 10/08/2017 |  |
|  | Nghị quyết | Số 09/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 | Quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 10/08/2017 | Liên quan đến lĩnh vực thanh tra |
|  | Nghị quyết | Số 10/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 | Ban hành Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 10/08/2017 | Hết hiệu lực một phần - Liên quan đến các lĩnh vực: Giao thông vận tải; Xây dựng; Tài nguyên và môi trường; Văn hóa thể thao và Du lịch; Kế hoạch và Đầu tư; An ninh quốc phòng; |
|  | Nghị quyết | Số 19/2017/NQ-HĐND ngày 06/12/2017 | Ban hành Quy định chế độ chi công tác phí, chế độ chi hội nghị, chế độ chi tiếp khách áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 17/12/2017 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Nghị quyết | số 01/2018/NQ-HĐND ngày 03/07/2018 | Quy định thời gian, biểu mẫu báo cáo kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm, kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm địa phương, dự toán, phân bổ và quyết toán ngân sách địa phương, nguyên tắc, tiêu chí phân bổ ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 13/07/2018 |  |
|  | Nghị quyết | số 02/2018/NQ-HĐND ngày 03/07/2018 | Ban hành Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công và xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/08/2018 |  |
|  | Nghị quyết | số 03/2018/NQ-HĐND ngày 04/07/2018 | Quy định mức chi hỗ trợ đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 14/07/2018 |  |
|  | Nghị quyết | số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 | Quy định nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2019 |  |
|  | Nghị quyết | số 06/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 | Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2019 |  |
|  | Nghị quyết | số 03/2019/NQ-HĐND ngày 01/08/2019 | Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 15/08/2019 |  |
|  | Nghị quyết | số 13/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 | Về việc phân định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2020 | Liên quan đến lĩnh vực Tài nguyên và môi trường |
|  | Nghị quyết | số 18/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 | Quy định mức chi cho hoạt động tổ chức hội thi sáng tạo kỹ thuật và cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng; nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2020 | Liên quan đến lĩnh vực Khoa học và công nghệ |
|  | Nghị quyết | số 21/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 | Quy định một số nội dung chi bảo đảm trật tự an toàn giao thông và mức hỗ trợ đối với lực lượng công an thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2020 | Liên quan đến lĩnh vực An ninh – Quốc phòng |
|  | Nghị quyết | số 02/2020/NQ-HĐND ngày 05/9/2020 | Quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn từ nguồn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 15/09/2020 |  |
|  | Nghị quyết | số 03/2020/NQ-HĐND ngày 05/9/2020 | Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 15/09/2020 | Liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp |
|  | Nghị quyết | số 02/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 | Quy định phụ cấp hằng tháng đối với thôn đội trưởng và mức trợ cấp ngày công lao động đối với dân quân khi làm nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/08/2021 | Liên quan đến lĩnh vực An ninh – Quốc phòng |
|  | Nghị quyết | số 06/2021/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 | Ban hành quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 25/12/2021 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Nghị quyết | số 07/2021/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 | Ban hành Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2022 - 2025 | 01/01/2022 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Nghị quyết | số 11/2021/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 | Ban hành Quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2022 |  |
|  | Nghị quyết | số 07/2022/NQ-HĐND ngày 02/07/2022 | Quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 12/07/2022 | Liên quan đến lĩnh vực giáo dục |
|  | Nghị quyết | số 11/2022/NQ-HĐND ngày 03/07/2022 | Quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao đang tập trung tập huấn, thi đấu của tỉnh Tuyên Quang | 12/07/2022 | Liên quan đến lĩnh vực Văn hóa, thể thao và Du lịch |
|  | Nghị quyết | số 17/2022/NQ-HĐND ngày 03/07/2022 | Quy định phân cấp thẩm quyền khai thác và xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang | 15/07/2022 | Liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp |
|  | Nghị quyết | 19/2022/NQ-HĐND ngày 03/07/2022 | Quy định mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng đối với các chức danh đội trưởng, đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/08/2022 | Liên quan đến lĩnh vực An ninh – Quốc phòng |
|  | Nghị quyết | số 21/2022/NQ-HĐND ngày 03/07/2022 | Quy định mức thu tính lệ phí trước bạ lần đầu đối với xe ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống (bao gồm cả xe con pick-up) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/08/2022 |  |
|  | Nghị quyết | số 28/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 | Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia | 01/01/2023 |  |
|  | Nghị quyết | Số 01/2023/NQ-HĐND ngày 28/02/2023 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2022 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang | 10/03/2023 |  |
|  | Nghị quyết | Số 05/2023/NQ-HĐND ngày 06/07/2023 | Quy định mức chi tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 20/07/2023 |  |
|  | Nghị quyết | Số 20/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 | Quy định mức hỗ trợ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025 | 01/01/2024 |  |
|  | Nghị quyết | Số 21/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 | Quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 18/12/2023 |  |
|  | Nghị quyết | Số 25/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 | Quy định mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 | 01/01/2024 |  |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 35 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 100/2002/QĐ-UB ngày 25/04/2002 | Về việc cho vay vốn từ ngân sách địa phương để thực hiện dự án bò sữa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 25/04/2002 | Liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp |
|  | Quyết định | Số 118/2002/QĐ-UB ngày 10/5/2002 | Về việc ban hành Quy định hỗ trợ lãi suất tiền vay cho hộ nghèo thực hiện dự án chăn nuôi bò theo quy trình kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. | 25/05/2002 | Liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp |
|  | Quyết định | Số 331/2002/QĐ-UB ngày 16/6/2002 | Về việc ban hành Quy định tạm thời hỗ trợ lãi suất tiền vay mua máy nông nghiệp phục vụ làm đất kịp thời vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. | 16/06/2002 | Liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp |
|  | Quyết định | Số 97/2004/QĐ-UB ngày 30/12/2004 | Về việc không thu phí qua cầu Nông Tiến | 01/01/2005 |  |
|  | Quyết định | Số 28/2008/QĐ-UBND ngày 24/12/2008 | Về việc quy định chế độ hỗ trợ cho giáo viên mầm non không trong biên chế nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 02/01/2009 | Hết hiệu lực một phần - Liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo |
|  | Quyết định | Số 17/2010/QĐ-UBND ngày 18/8/2010 | Về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang | 28/08/2010 | Hết hiệu lực một phần – Liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường |
|  | Quyết định | Số 04/2012/QĐ-UBND ngày 13/3/2012 | Về việc ban hành giá cước bốc xếp bằng thủ công một số loại vật liệu, vật tư, hàng hoá chủ yếu trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 23/03/2012 |  |
|  | Quyết định | Số 16/2015/QĐ-UBND ngày 20/11/2015 | Về việc ban hành một số định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/12/2015 | Liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ |
|  | Quyết định | Số 01/2016/QĐ-UBND ngày 28/01/2016 | Về ban hành quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 07/02/2016 |  |
|  | Quyết định | Số 12/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 | Quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước để sử sụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2017 |  |
|  | Quyết định | Số 06/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 | Ban hành quy định quy trình lập, thẩm định phương án giá, thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập, thẩm định phương án giá; phân cấp quản lý giá đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Uỷ ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang. | 01/07/2017 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | Số 10/2017/QĐ-UBND ngày 27/7/2017 | Về Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 10/08/2017 |  |
|  | Quyết định | Số 15/2017/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 | Quy định cước vận tải hàng hoá bằng ô tô trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 20/10/2017 |  |
|  | Quyết định | số 21/2018/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 | Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2019 |  |
|  | Quyết định | số 01/2019/QĐ-UBND, ngày 15/3/2019 | Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Tài chính; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/04/2019 | Hết hiệu lực một phần - Liên quan đến lĩnh vực nội vụ |
|  | Quyết định | số 21/2019/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 | Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 15/09/2019 |  |
|  | Quyết định | số 30/2019/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 | Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) và bổ sung định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 25/11/2019 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | số 38/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 | Quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, Hội đồng thẩm định giá đất và Tổ giúp việc của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, Hội đồng thẩm định giá đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 29/12/2019 |  |
|  | Quyết định | số 41/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 | Quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, trả tiền thuê đất hằng năm không thông qua hình thức đấu giá; đơn giá thuê đất có mặt nước; đơn giá thuê đất đối với đất xây dựng công trình ngầm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2020 |  |
|  | Quyết định | số 07/2020/QĐ-UBND ngày 25/6/2020 | Quy định tài sản khác có giá trị lớn tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang trong trường hợp sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê | 05/07/2020 |  |
|  | Quyết định | số 09/2020/QĐ-UBND ngày 25/7/2020 | Ban hành Danh mục tài sản, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định hữu hình; Tài sản cố định vô hình và Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 05/08/2020 |  |
|  | Quyết định | số 13/2021/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) và bổ sung định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 27/09/2021 |  |
|  | Quyết định | số 18/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 | Ban hành Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 09/11/2021 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | số 23/2021/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 | Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 20/12/2021 |  |
|  | Quyết định | số 15/2022/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | 05/06/2022 | Liên quan đến lĩnh vực nội vụ |
|  | Quyết định | số 18/2022/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 | Quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ vốn đầu tư công thuộc ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện quản lý; trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết định quyết toán theo niên độ vốn đầu tư công thuộc ngân sách cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 12/06/2022 |  |
|  | Quyết định | số 38/2022/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 | Quy định quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025 | 10/11/2022 |  |
|  | Quyết định | số 46/2022/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 | Ban hành tiêu chuẩn, định mức (chủng loại, số lượng) sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 05/01/2023 |  |
|  | Quyết định | Số 02/2023/QĐ-UBND ngày 08/03/2023 | Quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình Mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 18/12/2023 |  |
|  | Quyết định | Số 04/2023/QĐ-UBND ngày 20/03/2023 | Quy định quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán các nguồn vốn lồng ghép thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025 | 01/04/2023 |  |
|  | Quyết định | Số 13/2023/QĐ-UBND ngày 12/07/2023 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh | 23/07/2023 |  |
|  | Quyết định | Số 15/2023/QĐ-UBND ngày 01/08/2023 | Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về tài sản (nhà, công trình xây dựng khác, cây trồng, vật nuôi) gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 12/08/2023 |  |
|  | Quyết định | Số 18/2023/QĐ-UBND ngày 09/09/2023 | Ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà và tỷ lệ phần trăm (%) chất lượng còn lại của nhà để tính lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 20/09/2023 |  |
|  | Quyết định | Số 29/2023/QĐ-UBND ngày 03/12/2023 | Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế cho các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 15/12/2023 |  |
|  | Quyết định | Số 33/2023/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 | Về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2024 |  |
| **III** | **LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG** | | | | | | |
|  | **NGHỊ QUYẾT: 08 văn bản** | |  |  |  |
|  | Nghị quyết | Số 97/2006/NQ-HĐND ngày 08/12/2006 | Về quy hoạch điều tra, đánh giá, thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010, có xét đến năm 2020 | 18/12/2006 | Hết hiệu lực  một phần |
|  | Nghị quyết | Số 14/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 | Sửa đổi, bổ sung Quy hoạch điều tra, đánh giá, thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010, có xét đến năm 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 97/2006/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh | 10/08/2017 |  |
|  | Nghị quyết | số 20/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 | Về việc thông qua bảng giá đất năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2020 | Hết hiệu lực  một phần |
|  | Nghị quyết | số 10/2021/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 | Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua bảng giá đất 05 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2022 |  |
|  | Nghị quyết | số 13/2021/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 | Ban hành Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 10/01/2022 | Hết hiệu lực một phần - Liên quan đến lĩnh vực tài chính |
|  | Nghị quyết | số 01/2022/NQ-HĐND ngày 14/3/2022 | Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí thẩm định trong lĩnh vực môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/04/2022 | Liên quan đến lĩnh vực tài chính |
|  | Nghị quyết | Số 18/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh | 01/01/2024 | Liên quan đến lĩnh vực tài chính |
|  | Nghị quyết | Số 19/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 | Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2024 | Liên quan đến lĩnh vực tài chính |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 28 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 02/2008/QĐ-UBND ngày 17/04/2008 | Về việc phê duyệt khu vực cấm, tạm cấm và hạn chế hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 27/04/2008 |  |
|  | Quyết định | Số 20/2008/QĐ-UBND ngày 21/09/2008 | Về việc ban hành Quy định về tiêu chí phân vùng, phân loại đường phố và phân vị trí đất làm căn cứ phân vùng, phân loại đường phố, phân vị trí đất để định giá đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/10/2008 |  |
|  | Quyết định | Số 17/2009/QĐ-UBND ngày 22/10/2009 | Về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 | 01/11/2009 |  |
|  | Quyết định | Số 29/2010/QĐ-UBND ngày 29/11/2010 | Về việc ban hành quy định thời gian thực hiện các thủ tục và cơ chế phối hợp, cung cấp thông tin trong công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 09/12/2010 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | Số 10/2011/QĐ-UBND ngày 21/7/2011 | Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Tuyên Quang | 31/07/2011 |  |
|  | Quyết định | Số 18/2012/QĐ-UBND ngày 06/11/2012 | Về việc sửa đổi, bổ sung Điều 4 Quyết định số 29/2010/QĐ-UBND ngày 29/11/2010 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành quy định về thời gian thực hiện và cơ chế phối hợp, cung cấp thông tin trong công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. | 16/11/2012 |  |
|  | Quyết định | Số 15/2014/QĐ-UBND ngày 13/10/2014 | Về việc ban hành quy định mức đất và chế độ quản lý việc xây dựng phần mộ, tượng đài, bia tưởng niệm trong nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 23/10/2014 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | Số 16/2014/QĐ-UBND ngày 13/10/2014 | Ban hành Quy định hạn mức giao đất ở và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở; hạn mức giao đất trống, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 23/10/2014 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | Số 20/2014/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 | Ban hành Quy định hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp: Thửa đất ở có vườn, ao được hình thành từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà giấy tờ quyền sử dụng đất không ghi rõ diện tích đất ở; đất chuyển từ xã về phường, thị trấn do điều chỉnh địa giới hành chính mà người sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất | 01/11/2014 |  |
|  | Quyết định | Số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 | Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 26/04/2015 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | Số 06/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 | Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 26/04/2015 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | Số 15/2015/QĐ-UBND ngày 19/11/2015 | Ban hành Quy định về quản lý, bảo vệ, khai thác sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 15/12/2015 |  |
|  | Quyết định | Số 02/2018/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 | Ban hành Quy định về trách nhiệm của các cấp, các ngành trong quản lý đất đai, khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/04/2018 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | số 07/2018/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 | Về việc Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố | 15/10/2018 | Liên quan đến lĩnh vực nội vụ |
|  | Quyết định | số 28/2019/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 | Ban hành Đơn giá Đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất | 30/10/2019 |  |
|  | Quyết định | số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 | Ban hành quy định phân loại đường phố, phân khu vực, phân vị trí đất và Bảng giá đất 5 năm (2020 – 2024) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2020 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | số 13/2020/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 | Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về hoạt động Khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 15/08/2020 |  |
|  | Quyết định | số 27/2021/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 | Về việc sửa đổi, bổ sung quy định phân loại đường phố, phân khu vực, phân vị trí đất và Bảng giá đất 05 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 | 08/01/2022 |  |
|  | Quyết định | số 03/2022/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang | 01/03/2022 | Liên quan đến lĩnh vực nội vụ |
|  | Quyết định | số 23/2022/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 | Ban hành đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai (không bao gồm phí và lệ phí) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/08/2022 | Liên quan đến lĩnh vực tài chính |
|  | Quyết định | số 27/2022/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 | Quy định cụ thể một số nội dung tại Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai | 25/08/2022 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | số 28/2022/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh | 25/08/2022 |  |
|  | Quyết định | số 31/2022/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 | Quy định giá dịch vụ và hình thức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 10/10/2022 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | số 32/2022/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 17/2010/QĐ-UBND ngày 18/8/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang | 10/10/2022 |  |
|  | Quyết định | số 39/2022/QĐ-UBND ngày 19/11/2022 | Ban hành Quy định quản lý nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/12/2022 |  |
|  | Quyết định | số 49/2022/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 | Quy định về định mức đất sản xuất làm cơ sở thực hiện chính sách hỗ trợ đất sản xuất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 | 18/01/2023 |  |
|  | Quyết định | Số 06/2023/QĐ-UBND ngày 19/05/2023 | Sửa đổi, bổ sung Điều 4 của Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định của khi nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang | 01/06/2023 |  |
|  | Quyết định | Số 08/2023/QĐ-UBND ngày 31/05/2023 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định cụ thể một số nội dung tại Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai | 12/06/2023 |  |
|  | **CHỈ THỊ: 01 văn bản** | |  |  |  |
|  | Chỉ thị | Số 08/2006/CT-UBND ngày 29/08/2006 | Về tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh | 29/08/2006 |  |
| **IV** | **LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ** | | | | | | |
|  | **NGHỊ QUYẾT: 07 văn bản** | |  |  |  |
|  | Nghị quyết | số 02/2019/NQ-HĐND ngày 01/08/2019 | Về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 15/08/2019 | Liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp |
|  | Nghị quyết | số 10/2020/NQ-HĐND ngày 30/12/2020 | Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 10/01/2021 |  |
|  | Nghị quyết | số 15/2022/NQ-HĐND ngày 03/07/2022 | Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 15/07/2022 |  |
|  | Nghị quyết | số 27/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 | Quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 | 01/01/2023 |  |
|  | Nghị quyết | số 29/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 | Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2023 | Liên quan đến lĩnh vực tài chính |
|  | Nghị quyết | số 31/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 | Quy định về tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021 - 2025 thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2023 |  |
|  | Nghị quyết | Số 12/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 | Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm C trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2024 |  |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 06 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 69/2002/QĐ-UB ngày 05/04/2002 | Về việc ban hành một số chính sách hỗ trợ đền bù di chuyển di dân tái định cư vùng lòng hồ thuỷ điện Nà Hang | 05/04/2002 |  |
|  | Quyết định | Số 35/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 | Về việc ban hành quy định Tiêu chí phân bổ vốn Chương trình 135 năm 2015 và giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 10/01/2015 | Liên quan đến lĩnh vực dân tộc |
|  | Quyết định | số 09/2019/QĐ-UBND ngày 15/6/2019 | Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư | 01/07/2019 | Hết hiệu lực một phần - Liên quan đến lĩnh vực nội vụ |
|  | Quyết định | số 25/2022/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang | 15/08/2022 |  |
|  | Quyết định | số 35/2022/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 | Ban hành quy định phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 17/10/2022 |  |
|  | Quyết định | số 40/2022/QĐ-UBND ngày 19/11/2022 | Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện một dự án cụ thể được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025 | 28/11/2022 |  |
| **V** | **LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG** | | | | | | |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 14 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 47/2005/QĐ-UBND ngày 29/4/2005 | Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 | 09/05/2005 |  |
|  | Quyết định | Số 70/2006/QĐ-UBND ngày 22/09/2006 | Về việc Phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới xăng dầu tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 | 02/10/2006 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | Số 39/2007/QĐ-UBND ngày 10/12/2007 | Về việc bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 | 10/12/2007 |  |
|  | Quyết định | Số 03/2010/QĐ-UBND ngày 01/02/2010 | Về chính sách khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 11/02/2010 |  |
|  | Quyết định | Số 01/2011/QĐ-UBND ngày 19/01/2011 | Về việc sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định số 70/2006/QĐ-UBND ngày 22/9/2006 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 | 29/01/2011 |  |
|  | Quyết định | Số 13/2013/QĐ-UBND ngày 20/7/2013 | Về việc phê duyệt bổ sung Quy hoạch phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 | 30/07/2013 |  |
|  | Quyết định | số 10/2019/QĐ-UBND ngày 15/6/2019 | Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Công Thương; tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo phụ trách lĩnh vực công thương của Phòng Kinh tế thành phố, Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/07/2019 | Hết hiệu lực một phần - Liên quan đến lĩnh vực nội vụ |
|  | Quyết định | số 36/2019/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 | Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 20/12/2019 |  |
|  | Quyết định | số 26/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 | Quy chế phối hợp quản lý vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 15/01/2021 |  |
|  | Quyết định | số 11/2022/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Tuyên Quang | 10/05/2022 | Hết hiệu lực một phần - Liên quan đến lĩnh vực nội vụ |
|  | Quyết định | số 24/2022/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 | Ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 16/08/2022 |  |
|  | Quyết định | số 30/2022/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 | Phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 20/09/2022 |  |
|  | Quyết định | Số 22/2023/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương | 01/11/2023 | Liên quan đến lĩnh vực nội vụ |
|  | Quyết định | Số 28/2023/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 | Bãi bỏ Quyết định số 07/2016/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định một số thủ tục liên quan đến tiếp cận điện năng đối với lưới điện trung áp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 15/12/2023 |  |
|  | **CHỈ THỊ: 01 văn bản** | |  |  |  |
|  | Chỉ thị | Số 15/CT-UB ngày 17/12/1994 | Về việc cấm sản xuất, buôn bán và đốt pháo trên địa bàn toàn tỉnh | 17/12/1994 |  |
| **VI** | **LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI** | | | | | | |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 12 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 21/2009/QĐ-UBND ngày 24/11/2009 | Ban hành Quy định về điều kiện hoạt động phương tiện thủy thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 5 người hoặc bè trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 04/12/2009 |  |
|  | Quyết định | Số 10/2010/QĐ-UBND ngày 28/6/2010 | Về việc ban hành Quy định về quản lý sử dụng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh để vận chuyển khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 08/07/2010 |  |
|  | Quyết định | Số 17/2015/QĐ-UBND ngày 04/12/2015 | Về việc Ban hành Quy định về phân công trách nhiệm quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn và đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 15/12/2015 |  |
|  | Quyết định | Số 12/2017/QĐ-UBND ngày 8/9/2017 | Ban hành quy định tiêu chí bến xe khách thấp hơn bến xe khách loại 6 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 19/09/2017 |  |
|  | Quyết định | Số 20/2017/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 | Về việc ban hành Quy định về quản lý và bảo trì đường bộ thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2018 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | số 12/2019/QĐ-UBND ngày 15/6/2019 | Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Giao thông Vận tải | 01/07/2019 | Hết hiệu lực một phần - Liên quan đến lĩnh vực nội vụ |
|  | Quyết định | số 20/2019/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 | Ban hành Quy định trách nhiệm của chính quyền, người đứng đầu chính quyền địa phương các cấp, các cơ quan chức năng có liên quan trong công tác phối hợp đảm bảo trật tự an toàn giao thông, kiểm soát tải trọng phương tiện và quản lý hành lang an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 10/08/2019 |  |
|  | Quyết định | số 20/2021/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 | Ban hành Quy định về quản lý hoạt động của xe ô tô vận tải trung chuyển hành khách trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 20/11/2021 |  |
|  | Quyết định | số 10/2022/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải | 10/05/2022 | Liên quan đến lĩnh vực nội vụ |
|  | Quyết định | số 26/2022/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý và bảo trì đường bộ thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang | 20/08/2022 |  |
|  | Quyết định | số 42/2022/QĐ-UBND ngày 10/12/2022 | Phân cấp thẩm quyền thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng, công bố, công bố lại, gia hạn hoạt động bến khách ngang sông trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2023 |  |
|  | Quyết định | Số 03/2023/QĐ-UBND ngày 17/03/2023 | Ban hành Quy định việc quản lý, vận hành công trình và quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì đối với công trình đường giao thông nông thôn được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 - 2025 | 30/03/2023 |  |
| **VII** | **LĨNH VỰC XÂY DỰNG** | | | | | | |
|  | **NGHỊ QUYẾT: 01 văn bản** | |  |  |  |
|  | Nghị quyết | Số 17/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 | Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2024 | Liên quan đến lĩnh vực tài chính |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 16 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 09/2012/QĐ-UBND ngày 07/6/2012 | Về việc ban hành Quy định quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 17/06/2012 |  |
|  | Quyết định | Số 03/2016/QĐ-UBND ngày 05/3/2016 | Ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 15/03/2016 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | số 14/2019/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 | Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Xây dựng tỉnh Tuyên Quang; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/08/2019 | Hết hiệu lực một phần - Liên quan đến lĩnh vực nội vụ |
|  | Quyết định | số 14/2020/QĐ-UBND ngày 11/8/2020 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của “Quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang” ban hành kèm theo Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 05/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang | 21/08/2020 |  |
|  | Quyết định | số 20/2020/QĐ-UBND ngày 26/10/2020 | Quy định định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình thuộc dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 05/11/2020 |  |
|  | Quyết định | số 02/2021/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 | Về việc phân cấp thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng và quy định điều kiện về quy mô của công trình xây dựng được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 23/05/2021 |  |
|  | Quyết định | số 09/2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 | phân cấp thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/09/2021 |  |
|  | Quyết định | số 21/2021/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 | Ban hành Quy định quản lý, sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 20/12/2021 |  |
|  | Quyết định | số 22/2021/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 | Ban hành Quy định về quản lý, phân cấp quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp dữ liệu về công trình ngầm đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. | 20/12/2021 |  |
|  | Quyết định | số 20/2022/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 | Ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng, bảo trì công trình xây dựng và quy định lộ trình thực hiện đánh giá an toàn công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 15/07/2022 |  |
|  | Quyết định | số 21/2022/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 | Ban hành Quy định về quản lý trật tự xây dựng; phân cấp quản lý trật tự xây dựng và tiếp nhận hồ sơ thông báo khởi công xây dựng đối với các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 15/07/2022 |  |
|  | Quyết định | số 37/2022/QĐ-UBND ngày 15/10/2022 | Quy định về chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025 | 25/10/2022 |  |
|  | Quyết định | số 41/2022/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 | Quy định về phân cấp lập, điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị; lập quy chế quản lý kiến trúc; ban hành quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 12/12/2022 |  |
|  | Quyết định | số 48/2022/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 | Ban hành Quy định việc quản lý, vận hành công trình và quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì đối với các công trình nhà văn hóa thôn được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025 | 10/01/2023 |  |
|  | Quyết định | Số 09/2023/QĐ-UBND ngày 31/05/2023 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Tuyên Quang | 10/06/2023 | Liên quan đến lĩnh vực nội vụ |
|  | Quyết định | Số 34/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 | Ban hành Quy chế phối hợp xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 06/01/2024 |  |
| **VIII** | **LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | | | | | | |
|  | **NGHỊ QUYẾT: 01 văn bản** | |  |  |  |
|  | Nghị quyết | Số 31/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 | Về ban hành cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2014 |  |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 07 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 01/2014/QĐ-UBND ngày 22/04/2014 | Ban hành Quy định về điều kiện, thủ tục, trình tự thực hiện cơ chế chính sách hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 02/05/2014 |  |
|  | Quyết định | Số 25/2017/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 | Về việc ban hành Quy định tổ chức thực hiện và quản lý các đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/03/2018 |  |
|  | Quyết định | Số 28/2017/QĐ-UBND ngày 30/12/2017 | Ban hành Quy định về hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Tuyên Quang | 01/04/2018 |  |
|  | Quyết định | số 15/2019/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 | Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang | 01/08/2019 | Hết hiệu lực một phần - Liên quan đến lĩnh vực nội vụ |
|  | Quyết định | số 07/2021/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của UBND tỉnh quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang | 10/06/2021 |  |
|  | Quyết định | số 15/2021/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 | Ban hành Quy chế xét chọn, tôn vinh danh hiệu “Trí thức khoa học và công nghệ tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 10/10/2021 |  |
|  | Quyết định | số 17/2021/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang | 10/10/2021 | Liên quan đến lĩnh vực nội vụ |
| **IX** | **LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG** | | | | | | |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 13 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 20/2007/QĐ-UBND ngày 25/06/2007 | Về việc ban hành Quy định về quản lý, hoạt động của Trạm Truyền thanh cơ sở xã, phường, thị trấn | 05/07/2007 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | Số 28/2010/QĐ-UBND ngày 26/11/2010 | Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều Quy định về quản lý, hoạt động của Trạm Truyền thanh cơ sở xã, phường, thị trấn ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 25/6/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh | 06/12/2010 |  |
|  | Quyết định | Số 07/2011/QĐ-UBND ngày 03/6/2011 | Về việc ban hành Quy chế hoạt động Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang. | 13/06/2011 |  |
|  | Quyết định | Số 12/2013/QĐ-UBND ngày 20/7/2013 | Về việc Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng hệ thống thư điện tử tỉnh Tuyên Quang | 01/08/2013 |  |
|  | Quyết định | Số 17/2014/QĐ-UBND ngày 21/10/2014 | Ban hành Quy chế Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước tỉnh Tuyên Quang | 01/11/2014 |  |
|  | Quyết định | Số 22/2017/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 | Về ban hành Quy chế Giải thưởng báo chí tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2018 |  |
|  | Quyết định | số 10/2018/QĐ-UBND ngày 20/11/2018 | Ban hành Quy chế quản lý nhà nước về hoạt động thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/12/2018 |  |
|  | Quyết định | Số 19/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 | Ban hành Quy chế Tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước tỉnh Tuyên Quang | 15/04/2019 |  |
|  | Quyết định | số 07/2019/QĐ-UBND ngày 15/6/2019 | Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng,Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang | 01/07/2019 | Hết hiệu lực một phần - Liên quan đến lĩnh vực nội vụ |
|  | Quyết định | số 31/2019/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 | Quy định thời gian hoạt động của các đại lý Internet và điểm truy nhập Internet công cộng không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử; điều kiện về diện tích phòng máy và thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/12/2019 |  |
|  | Quyết định | số 39/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 | Ban hành quy chế quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2020 |  |
|  | Quyết định | số 22/2020/QĐ-UBND ngày 19/12/2020 | Quy chế phối hợp quản lý và sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2020 |  |
|  | Quyết định | Số 21/2023/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang | 01/11/2023 | Liên quan đến lĩnh vực nội vụ |
| **X** | **LĨNH VỰC NỘI VỤ** | | | | | | |
|  | **NGHỊ QUYẾT: 05 văn bản** | |  |  |  |
|  | Nghị quyết | số 04/2021/NQ-HĐND ngày 14/12/2021 | Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, nhiệm kỳ 2021 - 2026 | 01/01/2022 | Văn bản do Ban của HĐND tỉnh xây dựng |
|  | Nghị quyết | số 05/2021/NQ-HĐND ngày 14/12/2021 | Ban hành Nội quy kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, nhiệm kỳ 2021 - 2026 | 01/01/2022 | Văn bản do Ban của HĐND tỉnh xây dựng |
|  | Nghị quyết | số 12/2021/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 | Quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực; hỗ trợ đào tạo sau đại học, nâng cao trình độ ngoại ngữ | 01/01/2022 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Nghị quyết | Số 03/2023/NQ-HĐND ngày 06/07/2023 | Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực, hỗ trợ đào tạo sau đại học, nâng cao trình độ ngoại ngữ | 16/07/2023 |  |
|  | Nghị quyết | Số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 | Quy định về người hoạt động không chuyên trách; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; khoán kinh phí hoạt động ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2024 |  |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 31 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 27/2008/QĐ-UBND ngày 24/12/2008 | Về việc ban hành Quy chế Văn hoá công sở tại các cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 02/01/2009 |  |
|  | Quyết định | Số 24/2012/QĐ-UBND ngày 22/12/2012 | Về việc ban hành Quy chế xét tặng danh hiệu và trao giải thường “Doanh nhân tiêu biểu”; “Doanh nghiệp tiêu biểu” tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2013 |  |
|  | Quyết định | Số 15/2013/QĐ-UBND ngày 20/8/2013 | Phân cấp quản lý công chức xã, phường, thị trấn | 01/09/2013 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | Số 08/2017/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 | Về ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/08/2017 |  |
|  | Quyết định | Số 18/2017/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 | Ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; trách nhiệm của lãnh đạo, quản lý tham gia giảng dạy các chương trình bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 24/11/2017 |  |
|  | Quyết định | số 03/2018/QĐ-UBND, ngày 29/6/2018 | Về Quy định tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang | 10/07/2018 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | số 12/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 | Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Nội vụ; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố | 15/12/2018 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | số 13/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 | Bãi bỏ Quyết định số 41/2013/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy định đánh giá thực hiện chức trách, nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị | 01/01/2019 |  |
|  | Quyết định | số 23/2019/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 | Quy định tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Ban Điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh Tuyên Quang | 01/10/2019 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | số 24/2019/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 | Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/10/2019 |  |
|  | Quyết định | số 26/2019/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 | Ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động | 01/11/2019 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | số 27/2019/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 | Ban hành Quy định tiêu chí phân loại thôn, xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/11/2019 |  |
|  | Quyết định | số 35/2019/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 | Quy định tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang | 15/12/2019 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | số 08/2020/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 | Bãi bỏ Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định nhiệm vụ, tiêu chuẩn, bố trí và quản lý đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 10/07/2020 |  |
|  | Quyết định | số 10/2020/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 | Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Ban Di dân, tái định cư thủy điện Tuyên Quang; Phó Trưởng Ban Di dân, tái định cư thuộc Ủy ban nhân dân huyện | 10/08/2020 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | số 11/2020/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 | Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Ban Quản lý các khu du lịch tỉnh Tuyên Quang | 10/08/2020 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | số 17/2020/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 | Ban hành Quy chế khai thác, sử dụng tài liệu Lữu trữ lịch sử tỉnh Tuyên Quang | 05/10/2020 |  |
|  | Quyết định | số 21/2020/QĐ-UBND ngày 01/12/2020 | Bãi bỏ Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ tỉnh Tuyên Quang | 15/12/2020 |  |
|  | Quyết định | số 10/2021/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 | Ban hành Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 05/09/2021 |  |
|  | Quyết định | số 11/2021/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ban hành kèm theo Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang | 10/09/2021 |  |
|  | Quyết định | số 24/2021/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 | Ban hành Quy chế xét tặng danh hiệu “Công dân tiêu biểu tỉnh Tuyên Quang” | 16/12/2021 |  |
|  | Quyết định | số 02/2022/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 | Sửa đổi, bổ sung các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương trong các cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố | 20/02/2022 |  |
|  | Quyết định | số 05/2022/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Tuyên Quang | 10/04/2022 |  |
|  | Quyết định | số 16/2022/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 | Ban hành Quy định chế độ báo cáo công tác định kỳ ngành Nội vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 10/06/2022 |  |
|  | Quyết định | Số 17/2023/QĐ-UBND ngày 05/09/2023 | Ban hành Quy định về điển hình tiên tiến trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 15/09/2023 |  |
|  | Quyết định | Số 19/2023/QĐ-UBND ngày 29/09/2023 | Bãi bỏ Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 16/5/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức; chuyển công tác, biệt phái đối với viên chức thuộc quyền quản lý của các cơ quan, đơn vị | 10/10/2023 |  |
|  | Quyết định | Số 23/2023/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 | Bãi bỏ Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 05/03/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định số lượng và bố trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/11/2023 |  |
|  | Quyết định | Số 26/2023/QĐ-UBND ngày 18/11/2023 | Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tỉnh Tuyên Quang; cập nhật, đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức | 01/12/2023 |  |
|  | Quyết định | Số 30/2023/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 | Ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 26/12/2023 |  |
|  | Quyết định | Số 31/2023/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 | Ban hành Quy định chi tiết một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2024 |  |
|  | Quyết định | Số 38/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 | Ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động, cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang | 10/01/2024 |  |
|  | **CHỈ THỊ: 01 văn bản** | |  |  |  |
|  | Chỉ thị | Số 06/2011/CT-UBND ngày 11/11/2011 | Về việc củng cố và nâng cao chất lượng công tác văn thư, lưu trữ trên địa bàn tỉnh. | 21/11/2011 |  |
| **XI** | **LĨNH VỰC TƯ PHÁP** | | | | | | |
|  | **NGHỊ QUYẾT: 11 văn bản** | |  |  |  |
|  | Nghị quyết | Số 11/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 | Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 10/08/2017 | Hết hiệu lực một phần - Liên quan đến lĩnh vực tài chính |
|  | Nghị quyết | Số 13/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 | Về việc bãi bỏ Nghị quyết số 02/2012/NQ-HĐND ngày 18/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành Quy định mức thu phí đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản và phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 10/08/2017 | Liên quan đến lĩnh vực tài chính |
|  | Nghị quyết | Số 16/2017/NQ-HĐND ngày 06/12/2017 | Quy định nội dung, mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2018 |  |
|  | Nghị quyết | Số 22/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 | Về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật | 01/01/2018 |  |
|  | Nghị quyết | số 09/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 | Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung Quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp về giao dịch bảo đảm áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2019 | Liên quan đến lĩnh vực tài chính |
|  | Nghị quyết | số 04/2020/NQ-HĐND ngày 05/9/2020 | Bãi bỏ một số nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 15/09/2020 |  |
|  | Nghị quyết | số 18/2022/NQ-HĐND ngày 03/07/2022 | Quy định chính sách hỗ trợ pháp lý và mức chi phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/08/2022 |  |
|  | Nghị quyết | số 20/2022/NQ-HĐND ngày 03/07/2022 | Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 12/07/2022 | Liên quan đến lĩnh vực tài chính |
|  | Nghị quyết | Số 08/2023/NQ-HĐND ngày 07/07/2023 | Quy định định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/08/2023 | Liên quan đến lĩnh vực tài chính |
|  | Nghị quyết | Số 09/2023/NQ-HĐND ngày 07/07/2023 | Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/08/2023 | Liên quan đến lĩnh vực tài chính |
|  | Nghị quyết | Số 24/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 | Quy định một số mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2024 | Liên quan đến lĩnh vực tài chính |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 07 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 19/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 | Về việc quy định mức trần thù lao công chứng và chi phí đánh máy, sao chụp (photocopy) tài liệu công chứng, chứng thực trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 02/01/2016 |  |
|  | Quyết định | Số 11/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 | Ban hành Quy chế phối hợp quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2017 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | Số 02/2017/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 | Về ban hành Quy định tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 22/03/2017 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | Số 19/2017/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 | Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 01/12/2017 |  |
|  | Quyết định | số 11/2018/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 | Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Tư pháp; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Tư pháp thuộc UBND huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2019 | Hết hiệu lực một phần - Liên quan đến lĩnh vực nội vụ |
|  | Quyết định | số 15/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 | Quy định về đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp, điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2019 |  |
|  | Quyết định | Số 03/2019/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 | Về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành | 25/04/2019 |  |
|  | Quyết định | số 25/2019/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 | Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của UBND tỉnh | 15/10/2019 |  |
|  | Quyết định | số 34/2019/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 | Ban hành Quy chế quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2020 |  |
|  | Quyết định | số 43/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 | Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 01/01/2020 |  |
|  | Quyết định | số 44/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 | Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung quy định về chế độ báo cáo tại các quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh | 15/01/2020 |  |
|  | Quyết định | số 01/2021/QĐ-UBND ngày 05/5/2021 | Bãi bỏ 12 quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 20/05/2021 |  |
|  | Quyết định | số 03/2021/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 | Ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/06/2021 |  |
|  | Quyết định | số 04/2021/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 | Ban hành Quy chế phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/06/2021 |  |
|  | Quyết định | số 19/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang | 15/11/2021 |  |
|  | Quyết định | số 06/2022/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 | Bãi bỏ 02 quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 25/04/2022 |  |
|  | Quyết định | số 14/2022/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh | 01/06/2022 |  |
|  | Quyết định | Số 07/2023/QĐ-UBND ngày 26/05/2023 | Bãi bỏ 06 quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 10/06/2023 |  |
|  | Quyết định | Số 35/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 | Ban hành Quy chế phối hợp trong thực hiện công tác trách nhiệm bồi thường của nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 05/01/2024 |  |
|  | Quyết định | Số 36/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 | Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 05/01/2024 |  |
| **XII** | **LĨNH VỰC VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH** | | | | | | |
|  | **NGHỊ QUYẾT: 03 văn bản** | |  |  |  |
|  | Nghị quyết | Số 33/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 | Quy định một số chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và mức chi cho các giải thi đấu thể thao áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. | 22/12/2013 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Nghị quyết | số 09/2021/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 | Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2022 |  |
|  | Nghị quyết | số 24/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 | Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2023 | Liên quan đến lĩnh vực tài chính |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 09 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 05/2009/QĐ-UBND ngày 17/06/2009 | Ban hành Quy định chế độ khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật, phát thanh - truyền hình của tỉnh đoạt giải cấp khu vực, quốc gia và quốc tế | 27/06/2009 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | Số 36/2010/QĐ-UBND ngày 10/12/2010 | Về việc ban hành Quy định xét, tặng "Giải thưởng Tân Trào" | 20/12/2010 |  |
|  | Quyết định | Số 28/2014/QĐ-UBND ngày 20/12/2014 | Ban hành Quy định trách nhiệm quản lý, bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2015 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | số 05/2019/QĐ-UBND ngày 15/6/2019 | Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc và trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Trưởng phòng, Phó Trưởng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/07/2019 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | số 29/2019/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 | Bãi bỏ Quyết định số 28/2013/QĐ-UBND ngày 30/11/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/12/2019 |  |
|  | Quyết định | số 24/2020/QĐ-UBND ngày 26/12/2020 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định trách nhiệm quản lý, bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND ngày 20/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh | 10/01/2021 |  |
|  | Quyết định | số 08/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 05/2009/QĐ-UBND ngày 17/06/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chế độ khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật, phát thanh - truyền hình của tỉnh đoạt giải cấp khu vực, quốc gia và quốc tế | 20/06/2021 |  |
|  | Quyết định | số 17/2022/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tuyên Quang | 15/06/2022 | Liên quan đến lĩnh vực nội vụ |
|  | Quyết định | Số 10/2023/QĐ-UBND ngày 29/06/2023 | Quy định mức tiền thưởng đối với các huấn luyện viên, vận động viên thể thao đạt thành tích tại các đại hội cấp quốc gia và mức chi giải thưởng các giải thi đấu thể thao trong tỉnh áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 10/07/2023 |  |
| **XIII** | **LĨNH VỰC LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI** | | | | | | |
|  | **NGHỊ QUYẾT: 08 văn bản** | |  |  |  |
|  | Nghị quyết | Số 07/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 | Về mức trợ cấp đặc thù áp dụng đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2017 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Nghị quyết | số 08/2019/NQ-HĐND ngày 01/08/2019 | Quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 15/08/2019 |  |
|  | Nghị quyết | số 08/2021/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 | Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2022 |  |
|  | Nghị quyết | số 09/2022/NQ-HĐND ngày 01/07/2022 | Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 11/07/2022 |  |
|  | Nghị quyết | số 10/2022/NQ-HĐND ngày 03/07/2022 | Quy định đối tượng và mức chi thăm hỏi, tặng quà người có công với cách mạng và gia đình người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 15/07/2022 |  |
|  | Nghị quyết | số 22/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 | Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Về mức trợ cấp đặc thù áp dụng đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2023 |  |
|  | Nghị quyết | số 26/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 | Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2023 | Liên quan đến lĩnh vực tài chính |
|  | Nghị quyết | Số 06/2023/NQ-HĐND ngày 06/07/2023 | Quy định nội dung, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy; người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 20/07/2023 |  |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 07 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 14/2017/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 | Về việc quy định danh mục nghề đào tạo, mức chi phí đào tạo, mức hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/10/2017 |  |
|  | Quyết định | số 08/2019/QĐ-UBND ngày 15/6/2019 | Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc và trực thuộc Sở Lao động -Thương binh và Xã hội; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/07/2019 | Hết hiệu lực một phần - Liên quan đến lĩnh vực nội vụ |
|  | Quyết định | số 13/2022/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Tuyên Quang | 22/05/2022 | Liên quan đến lĩnh vực nội vụ |
|  | Quyết định | số 22/2022/QĐ-UBND ngày 10/7/2022 | Quy định phương thức chi trả chính sách trợ giúp xã hội; mức chi phí chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 20/07/2022 |  |
|  | Quyết định | số 45/2022/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 | Ban hành Quy chế quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ, nhà truyền thống thờ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 26/12/2022 |  |
|  | Quyết định | Số 12/2023/QĐ-UBND ngày 12/07/2023 | Về việc quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương để làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 25/07/2023 |  |
|  | Quyết định | Số 25/2023/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 | Ban hành Quy chế phân cấp quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 20/11/2023 |  |
| **XIV** | **LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | | | | | | |
|  | **NGHỊ QUYẾT: 12 văn bản** | |  |  |  |
|  | Nghị quyết | Số 10/2008/NQ-HĐND ngày 31/07/2008 | Quy hoạch tổng thể phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 | 10/08/2008 |  |
|  | Nghị quyết | Số 10/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 | Quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; mức khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2017 |  |
|  | Nghị quyết | Số 01/2017/NQ-HĐND ngày 24/7/2017 | Quy định chính sách ưu đãi đối với học sinh trường Trung học phổ thông Chuyên tỉnh Tuyên Quang và học sinh tham gia đội tuyển của tỉnh dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia | 01/09/2017 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Nghị quyết | Số 05/2019/NQ-HĐND ngày 01/08/2019 | Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 15/08/2019 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Nghị quyết | số 14/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 | Bãi bỏ một phần Nghị quyết số 34/2013/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang | 20/12/2019 |  |
|  | Nghị quyết | số 07/2020/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 | Quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em nhà trẻ và mức hỗ trợ đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp; mức hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2021 |  |
|  | Nghị quyết | số 14/2021/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2022 |  |
|  | Nghị quyết | số 03/2022/NQ-HĐND ngày 14/3/2022 | Quy định nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/04/2022 |  |
|  | Nghị quyết | số 14/2022/NQ-HĐND ngày 03/07/2022 | Quy định các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục trong cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 12/07/2022 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Nghị quyết | Số 04/2023/NQ-HĐND ngày 06/07/2023 | Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; mức chi trả cho đối tượng miễn, giảm học phí, mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục; tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường công lập có cấp tiểu học năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 20/07/2023 |  |
|  | Nghị quyết | Số 11/2023/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 | Bãi bỏ điểm 3.6 khoản 1 Điều 3 và sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục trong cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 20/10/2023 |  |
|  | Nghị quyết | Số 22/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 | Bãi bỏ một phần Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách ưu đãi đối với học sinh Trường Trung học phổ thông Chuyên tỉnh Tuyên Quang và học sinh tham gia đội tuyển của tỉnh dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia | 18/12/2023 |  |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 06 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 19/2008/QĐ-UBND ngày 19/09/2008 | Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 | 29/09/2008 |  |
|  | Quyết định | số 16/2019/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 | Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/08/2019 | Hết hiệu lực một phần - Liên quan đến lĩnh vực nội vụ |
|  | Quyết định | số 05/2020/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 | Bãi bỏ Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 26/10/2013 và Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang | 20/05/2020 |  |
|  | Quyết định | số 12/2021/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 | Ban hành Quy định Chế độ khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đạt thành tích trong các kỳ thi quốc tế, khu vực quốc tế, quốc gia và kỳ thi cấp tỉnh | 01/10/2021 |  |
|  | Quyết định | số 01/2022/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tuyên Quang | 20/02/2022 |  |
|  | Quyết định | số 44/2022/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 | Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 27/12/2022 |  |
|  | **CHỈ THỊ: 01 văn bản** | |  |  |  |
|  | Chỉ thị | Số 09/2006/CT-UBND ngày 06/10/2006 | Về tăng cường thực hiện cuộc vận động "Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 06/10/2006 |  |
| **XV** | **LĨNH VỰC Y TẾ** | | | | | |
|  | **NGHỊ QUYẾT: 07 văn bản** | |  |  |  |
|  | Nghị quyết | Số 01/2012/NQ-HĐND ngày 18/7/2012 | Về Quy hoạch phát triển sự nghiệp y tế tỉnh Tuyên Quang đến năm 2015, định hướng đến năm 2020. | 28/07/2012 |  |
|  | Nghị quyết | số 17/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 | Ban hành giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2020 |  |
|  | Nghị quyết | số 02/2022/NQ-HĐND ngày 14/3/2022 | Quy định giá dịch vụ xét nghiệp SARS-CoV-2 trong trường hợp không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 25/03/2022 |  |
|  | Nghị quyết | số 12/2022/NQ-HĐND ngày 03/07/2022 | Quy định mức chi bồi dưỡng hằng tháng đối với cộng tác viên dân số thôn, xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 12/07/2022 |  |
|  | Nghị quyết | số 25/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 | Quy định chính sách hỗ trợ người mắc bệnh Suy thận mạn tính phải chạy thận nhân tạo chu kỳ, bệnh Tan máu bẩm sinh (Thalassaemia) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2023 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Nghị quyết | Số 14/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 | Quy định mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 – 2025 | 18/12/2023 |  |
|  | Nghị quyết | Số 23/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định chính sách hỗ trợ người mắc bệnh Suy thận mạn tính phải chạy thận nhân tạo chu kỳ, bệnh Tan máu bẩm sinh (Thalassaemia) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2024 |  |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 07 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 67/2006/QĐ-UBND ngày 15/9/2006 | Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế của Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm, mỹ phẩm thuộc Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang | 25/09/2006 | Hết hiệu lực một phần - Liên quan đến lĩnh vực Nội vụ |
|  | Quyết định | Số 74/2006/QĐ-UBND ngày 02/10/2006 | Về việc thành lập Bệnh viện Đa khoa các huyện và Bệnh viện Đa khoa khu vực các huyện thuộc Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang | 12/10/2006 | Hết hiệu lực một phần - Liên quan đến lĩnh vực Nội vụ |
|  | Quyết định | Số 16/2012/QĐ-UBND ngày 19/9/2012 | Về việc phê duyệt quy hoạch phát triển sự nghiệp y tế đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 | 29/09/2012 |  |
|  | Quyết định | số 06/2019/QĐ-UBND ngày 15/6/2019 | Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Y tế; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/07/2019 | Hết hiệu lực một phần - Liên quan đến lĩnh vực nội vụ |
|  | Quyết định | số 25/2021/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 | Về tiêu chuẩn, định mức (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế cho các cơ quan,tổ chức,đơn vị hoạt động trong lĩnh vực y tế thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2022 |  |
|  | Quyết định | số 29/2022/QĐ-UBND ngày 23/8/2022 | Phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành y tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 23/08/2022 |  |
|  | Quyết định | Số 01/2023/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang | 15/01/2023 |  |
| **XVI** | **LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA VĂN PHÒNG UBND TỈNH** | | | | | | |
|  | **NGHỊ QUYẾT: 01 văn bản** | |  |  |  |
|  | Nghị quyết | Số 09/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 | Về Quy định mức chi, việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 27/07/2013 |  |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 06 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 13/2017/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 | Ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao | 01/10/2017 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | Số 26/2017/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 | Ban hành Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng, Phó đơn vị thuộc và trực thuộc Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố | 30/12/2017 | Hết hiệu lực một phần - Liên quan đến lĩnh vực nội vụ |
|  | Quyết định | số 16/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 | Ban hành Quy chế phối hợp giữa các ngành, các cấp trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh | 20/01/2019 |  |
|  | Quyết định | số 19/2022/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 | Về tổ chức làm việc vào ngày thứ bảy hằng tuần để tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 10/07/2022 |  |
|  | Quyết định | Số 05/2023/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 | Ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang | 01/05/2023 |  |
|  | Quyết định | Số 20/2023/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang | 01/11/2023 |  |
| **XVII** | **LĨNH VỰC NGOẠI VỤ** | | | | | | |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 05 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 06/2013/QĐ-UBND ngày 16/5/2013 | Ban hành Quy chế quản lý đoàn đi nước ngoài, đoàn nước ngoài, đoàn quốc tế vào làm việc trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 31/05/2013 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | Số 38/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 | Ban hành Quy chế quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài; quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 30/12/2013 |  |
|  | Quyết định | Số 21/2017/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 | Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế quản lý đoàn đi nước ngoài, đoàn nước ngoài, đoàn quốc tế vào làm việc trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 06/2013/QĐ-UBND ngày 16/5/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh | 01/01/2018 |  |
|  | Quyết định | số 17/2019/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 | Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Ngoại vụ tỉnh Tuyên Quang | 01/08/2019 | Hết hiệu lực một phần - Liên quan đến lĩnh vực nội vụ |
|  | Quyết định | số 08/2022/QĐ-UBND ngày 10/4/2022 | Quy định chức năng,nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Ngoại vụ tỉnh Tuyên Quang | 20/04/2022 | Liên quan đến lĩnh vực nội vụ |
| **XVIII** | **LĨNH VỰC THANH TRA** | | | | | | |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 03 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | số 19/2019/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 | Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Thanh tra tỉnh; Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra Sở; Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra huyện, thành phố thuộc tỉnh Tuyên Quang | 01/08/2019 | Hết hiệu lực một phần - Liên quan đến lĩnh vực nội vụ |
|  | Quyết định | Số 16/2023/QĐ-UBND ngày 25/08/2023 | Ban hành Quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân trong công tác tiếp công dân định kỳ, đột xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/11/2023 |  |
|  | Quyết định | Số 27/2023/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 | Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng phần mềm lập kế hoạch thanh tra và xử lý chồng chéo, trùng lặp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/12/2023 |  |
| **XIX** | **LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BAN DÂN TỘC** | | | | | | |
|  | **NGHỊ QUYẾT: 02 văn bản** | |  |  |  |
|  | Nghị quyết | số 08/2022/NQ-HĐND ngày 01/07/2022 | Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 | 11/07/2022 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Nghị quyết | số 15/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I; từ năm 2021 đến năm 2025 | 18/12/2023 |  |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 02 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | số 18/2019/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 | Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Ban Dân tộc; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân huyện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/08/2019 | Hết hiệu lực một phần - Liên quan đến lĩnh vực nội vụ |
|  | Quyết định | số 09/2022/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Tuyên Quang | 01/05/2022 | Liên quan đến lĩnh vực nội vụ |
| **XX** | **LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP** | | | | | | |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 03 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | số 04/2019/QĐ-UBND ngày 09/5/2019 | Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Tuyên Quang | 01/06/2019 | Hết hiệu lực một phần |
|  | Quyết định | số 47/2022/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Tuyên Quang | 10/01/2023 |  |
|  | Quyết định | Số 37/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 | Ban hành Quy chế phối hợp giữa Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong công tác quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 05/01/2024 |  |
| **XXI** | **LĨNH VỰC AN NINH - QUỐC PHÒNG** | | | | | | |
|  | **NGHỊ QUYẾT: 03 văn bản** | |  |  |  |
|  | Nghị quyết | số 04/2022/NQ-HĐND ngày 14/3/2022 | Quy định diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ; mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/04/2022 | Hết hiệu lực một phần - Liên quan đến lĩnh vực tài chính |
|  | Nghị quyết | số 05/2022/NQ-HĐND ngày 01/07/2022 | Ban hành Quy chế Bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang | 10/07/2022 |  |
|  | Nghị quyết | Số 07/2023/NQ-HĐND ngày 07/07/2023 | Bãi bỏ một phần và sửa đổi khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ; mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 20/07/2023 | Liên quan đến lĩnh vực tài chính |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 03 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 08/2016/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 | Ban hành Quy chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành và Uỷ ban nhân dân huyện, thành phố trong công tác quản lý người nước ngoài cư trú, hoạt động trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 10/08/2016 |  |
|  | Quyết định | số 06/2018/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 | Ban hành Quy định khu vực cấm; địa điểm cấm; khu vực bảo vệ; khu vực cấm tập trung đông người; khu vực cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh; khu vực cấm hoặc hạn chế người và phương tiện giao thông trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. | 15/10/2018 |  |
|  | Quyết định | số 06/2021/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 | Ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 10/06/2021 |  |
|  | **CHỈ THỊ: 01 văn bản** | |  |  |  |
|  | Chỉ thị | Số 07/2012/CT-UBND ngày 07/11/2012 | Về việc tăng cường quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 17/11/2012 |  |
|  | **TỔNG: 375 văn bản (gồm: 114 nghị quyết, 254 quyết định, 07 chỉ thị)** | | | | |